

Bản án số: 35/2026/HS-ST

Ngày: 04-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Trọng Quế*Thẩm phán:* Ông Trần Minh Tân*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Đông

Bà Nguyễn Thu Anh

Ông Dương Văn Sol

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:** Ông Trang Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2026/TLST-HS ngày 04/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Vũ Trọng T, sinh ngày 13/8/1996 tại tỉnh Bắc Ninh; số CCCD: 027096009135, cấp ngày 25/10/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Bộ C1; nơi cư trú: Xóm Đ, phường M, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Trọng P và bà Vũ Thị S; vợ tên Mạc Hồng H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: (1) Có 01 tiền án đã được xóa (Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2016/HS-ST ngày 12/8/2016, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt Tiếp 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 12/8/2017); (2) Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 20/01/2025, Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, xử phạt 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; (3) Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 832/2025/HS-ST ngày 10/12/2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp 08 năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 20/01/2025, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 21 năm tù, bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam N2. Bị cáo có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Huỳnh Tấn A của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C. Luật sư có mặt.

- Bị hại, gồm có:

1. Bà Ca Diễm M, sinh ngày 01/01/2002, số CCCD: 095302002277.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị T1 (mẹ ruột), sinh năm 1977 (Giấy ủy quyền ngày 18/4/2025), số CCCD: 095177008749. Bà T1 có mặt.

Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Lý Thị S1, sinh ngày 17/7/1980, số CCCD: 095180007449 và bà Phạm Ngọc Á, sinh ngày 06/9/2000 (con ruột bà S1), số CCCD: 095300010927. Bà S1 và bà Á có mặt.

Cùng nơi cư trú: Số A, khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Dương Quyển N, sinh ngày 20/11/2003, số CCCD: 095303002162

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Quốc T2 (cha ruột), sinh năm 1974 (Giấy ủy quyền ngày 11/02/2025), số CCCD: 095074000638. Ông T2 có mặt.

Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2021, Vũ Trọng T có tham gia làm nhân viên cho Công ty T3, địa chỉ số A T, M, Cầu G, Hà Nội (Công ty chuyên môi giới, đưa người đi xuất khẩu lao động), đến năm 2022 thì T nghỉ làm nhưng tiếp tục sinh sống ở Hà Nội.

Vì động cơ vụ lợi, từ tháng 5/2022 Vũ Trọng T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản thông qua thủ đoạn tuyển người đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó, Vũ Trọng T đăng tải các bài viết có liên quan đến việc tuyển dụng người đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan lên mạng xã hội Facebook thông qua tài khoản tên “Vũ Trọng T”. Khi có khách hàng (bị hại) liên hệ thì Vũ Trọng T trực tiếp nhắn tin, gọi điện qua ứng dụng Zalo tên tài khoản là " Xklđ Đài N1" đăng ký bằng số điện thoại 0339.892.866 để hướng dẫn, yêu cầu bị hại khám sức khỏe tại các Bệnh viện mà T chỉ định. Sau đó T gửi qua tin nhắn Zalo một bộ hồ sơ yêu cầu các bị hại hoàn thành việc kê khai, xác nhận của chính quyền địa phương và phải có chữ ký của đại diện gia đình, mục đích làm cho bị hại tin là thật và yêu cầu chuyển tiền cọc vào tài khoản ngân hàng của T, sau đó T chiếm đoạt sử dụng tiền vào chi tiêu cá nhân hết mà không làm bất cứ thủ tục gì với cơ quan, tổ chức nào có thẩm quyền xét tuyển người đi lao động tại Đài Loan.

Với thủ đoạn trên Vũ Trọng T đã chiếm đoạt tổng số tiền 603.705.000 đồng (đ) của 04 người bị hại trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

(1) Chiếm đoạt tiền của C2, sinh ngày 01/01/2002; địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

Khoảng tháng 7/2022, Vũ Trọng T nhận được tin nhắn Facebook từ bà Lê Thị Hồng G (đang sinh sống tại Đài Loan), nhờ làm hồ sơ xuất khẩu lao động sang Đài Loan cho C2 là cháu của bà G. Từ đó, T dùng tài khoản Zalo tên "Xklđ Đài N1" đăng ký bằng số điện thoại 0339.892.866 kết bạn với tài khoản Zalo tên "Bé M" đăng ký bằng số điện thoại 0948.689.819 của Ca Diễm M do bà G cung cấp. Quá trình trao đổi với nhau T và C2 thống nhất chi phí để đưa xuất khẩu lao động sang Đài Loan là 5300USD và chuyển khoản nhiều lần theo tiến độ làm hồ sơ, để tạo lòng tin T đã gửi cho M một bộ mẫu hồ sơ đăng ký xuất khẩu lao động và yêu cầu M hoàn thành các thủ tục có liên quan như làm hộ chiếu, lý lịch tư pháp, phiếu khám sức khỏe...; đồng thời T còn tạo một nhóm Zalo gồm có: Tiệp, C2 và các bị hại khác để tiện thông báo, hướng dẫn, tạo tâm lý tin tưởng từ số đông.

Từ tháng 7/2022 đến ngày 31/8/2022, M đã chuyển khoản cho T tổng số tiền 148.505.000đ thông qua tài khoản ngân hàng B1 số 25610001995370 tên “VU TRONG TIEP”. Sau khi nhận đủ số tiền thỏa thuận, thì T đưa ra nhiều lý do hứa hẹn như: phía Công ty bên Đài Loan hết việc làm nên họ không cho lao động nhập cảnh, chuyển đi bị hoãn lại, nhằm kéo dài thời gian và chiếm đoạt tiền của bị hại.

(2) Chiếm đoạt tiền của bà Lý Thị S1, sinh ngày 17/7/1980; Phạm Ngọc Á, sinh ngày 06/9/2000; cùng địa chỉ: số A, Khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau.

Vào khoảng tháng 5/2022, thông qua giới thiệu của bà Dương Ái P1 hiện đang sinh sống tại Đài Loan, thì bà Lý Thị S1 nhắn tin facebook cho Mạc Hồng H nhờ làm hồ sơ xuất khẩu lao động sang Đài Loan cho 02 con của bà S1 tên là Phạm Ngọc Á và Phạm Ngọc M1. H nói lại sự việc cho T biết và gửi số điện thoại của Phạm Ngọc Á để Tiếp trao đổi trực tiếp. Sau đó, T dùng tài khoản Z tên "Xklđ Đài N1" đăng ký bằng số điện thoại 0339.892.866 kết bạn với tài khoản Zalo tên "Ánh" của Phạm Ngọc Á. Quá trình trao đổi T và Á thống nhất chi phí để đưa xuất khẩu lao động sang Đài Loan là 5300 USD/người và chuyển khoản nhiều lần theo tiến độ làm hồ sơ.

Trong khoảng thời gian từ 5/2022 đến 10/2022, bà Lý Thị S1 và Phạm Ngọc Á đã chuyển tiền cho T nhiều lần với tổng số tiền là 298.200.000đ, trong đó có 02 lần chuyển khoản đến số tài khoản 0341007172745 tên Mạc Hồng H, với số tiền 5.000.000đ, còn lại chuyển đến tài khoản ngân hàng B1 số 25610001995370 tên “VU TRONG TIEP”. Sau khi nhận được tiền, T tiêu xài cá nhân hết. Sau nhiều lần hứa hẹn không thực hiện được, Á và M1 nhiều lần đòi lại số tiền đã chuyển cho T thì T trốn tránh và cắt liên lạc. Đến tháng 02/2023, Vũ Trọng T đã thông qua tài khoản số 0341007172745 của Mạc Hồng H, chuyển vào tài khoản Ngân hàng V số 106869316780 của Phạm Ngọc Á để bồi thường số tiền 50.000.000đ, Vũ Trọng T còn chiếm đoạt số tiền 248.200.000đ.

(3) Chiếm đoạt tiền của Dương Quyền N, sinh ngày 20/11/2003; địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

Khoảng tháng 7/2022, T nhận được tin nhắn facebook từ bà Dương Tuyết B hiện đang sinh sống tại Đài Loan nhờ Tiếp làm hồ sơ xuất khẩu lao động sang Đài Loan cho Dương Quyền N. Từ đó, T dùng tài khoản Zalo tên "Xklđ Đài N1" đăng ký bằng số điện thoại 0339.892.866 kết bạn với tài khoản Zalo tên “Nhi E” của Dương Quyền N. Quá trình trao đổi T và N thống nhất chi phí để đưa xuất khẩu lao động sang Đài Loan là 5.300USD, tương đương số tiền 150.000.000đ và chuyển khoản nhiều lần theo tiến độ làm hồ sơ.

Từ tháng 07/2022 đến ngày 31/8/2022 N đã chuyển cho T tổng số tiền 157.000.000đ đến tài khoản ngân hàng B1 số 25610001995370 tên “VU TRONG TIEP”. Sau khi nhận được tiền, T chiếm đoạt tiêu xài hết.

- Tại Cáo trạng số 57/CT-VKS-P1 ngày 23 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đã truy tố bị cáo T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, phạt bị cáo tù 09 năm đến 10 năm tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 21 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 832/2025/HS-ST ngày 10/12/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại, gồm: Bà Ca Diễm M số tiền 148.505.000đ; Bà Lý Thị S1 và bà Phạm Ngọc Á (con bà S1) số tiền 248.200.000đ; Bà Dương Quyền N số tiền 157.000.000đ.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Các bị hại trình bày: Đề nghị xử lý hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định, đồng thời buộc bị cáo hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Trọng T thừa nhận hành vi phạm tội là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ. Qua đó có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 5 đến tháng 10 năm 2022, T dùng thủ đoạn gian dối thông qua việc hứa hẹn, nhận làm thủ tục xuất khẩu lao động sang Đài Loan, để chiếm đoạt của 04 bị hại, gồm bà C Diễm My số tiền 148.505.000đ, bà Lý Thị S1 và con ruột là bà Phạm Ngọc Á số tiền 298.200.000đ, bà Dương Quyền N số tiền 157.000.000đ. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 603.705.000đ. Với những tình tiết này, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương. Bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật, phạm tội phải bị xử lý và chịu hình phạt theo quy định.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có cân nhắc đến các tình giảm nhẹ sau đây cho bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đã khắc phục được một phần thiệt hại cho bị hại (trả cho mẹ con bà S1 được 50 triệu đồng). Bị cáo nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên.

[5] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và các đặc điểm nhân thân của bị cáo, xét đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là có cơ sở. Hội đồng xét xử cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để có thời gian cải tạo thành người tốt cũng như phòng ngừa chung. Do bị cáo đang chấp hành hình phạt 21 năm tù của 02 bản án trước đó, nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của các bản án theo quy định.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo chiếm đoạt tiền của các bị hại, nên phải có nghĩa vụ hoàn trả. Cụ thể, buộc bị cáo hoàn trả cho: Bà Ca Diễm M số tiền 148.505.000đ; Bà Lý Thị S1 và con ruột là bà Phạm Ngọc Á số tiền 298.200.000đ, được khấu trừ 50 triệu đồng phía bị cáo đã khắc phục, còn lại 248.200.000đ; Bà Dương Quyển N số tiền 157.000.000đ.

Trường hợp chậm thanh toán, bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định.

[7] Với các phân tích nêu trên, ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo được chấp nhận.

[8] Do bị kết án và thanh toán nợ nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[9] Đối với Mạc Hồng H (vợ bị cáo): Bà H có biết bị cáo làm môi giới xuất khẩu lao động. Tuy nhiên, trong quá trình môi giới, bà H không biết bị cáo T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C không xử lý là phù hợp.

[10] Ngoài hành vi lừa đảo các bị hại trong vụ án, bị cáo T còn thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Thạch Thị Ngọc O tại thành phố Cần Thơ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã có văn bản thông tin về tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành Phố C để xử lý theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Vũ Trọng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, phạt bị cáo 09 (chín) năm tù;

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 21 (hai mươi một) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 832/2025/HS-ST ngày 10/12/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 31/7/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự, căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Các điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Vũ Trọng T có nghĩa vụ hoàn trả cho các bị hại với số tiền sau đây:

- Hoàn trả cho bà C Diễm My số tiền 148.505.000 (một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm lẻ năm nghìn) đồng;

- Hoàn trả cho bà Lý Thị S1 và bà Phạm Ngọc Á (con bà S1) số tiền 248.200.000 (hai trăm bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn) đồng;

- Hoàn trả cho bà Dương Quyển N số tiền 157.000.000 (một trăm năm mươi bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Các điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 26.148.200 (hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện công tố và KSXX phúc thẩm VKSnd tối cao tại TP HCM;
- VKS nd tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án hình sự;
- THA dân sự tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, án văn, Tòa HS, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế